

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST

Ngày: 13/6/2022

V/v:- *Tranh chấp di sản thừa kế;*

- Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Châu

Ông Nguyễn Minh Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Nguyễn Hùng Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021, về việc: Tranh chấp di sản thừa kế; tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST – DS ngày 19/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thiều Kim T, sinh năm 1953 (vắng mặt – đã ủy quyền)

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố BT, phường HC, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Dương Tất P, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố PS, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Chị Lê Thị Phương T1, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố BT, phường HC, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trần Minh T2, sinh năm 1996 (vắng mặt – đã ủy quyền cho bị đơn)

Trần Minh T3, sinh năm 2003 (vắng mặt – đã ủy quyền cho bị đơn)

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố BT, phường HC, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa:

Anh Trần Hón Khanh, sinh năm 1974 là con trai của bà Thiều Kim T, năm 1995 anh Khanh kết hôn với chị Lê Thị Phương T1 sinh được hai người con chung là Trần Minh T2

và Trần Minh T3. Năm 2014 anh Khanh ly hôn với chị T1. Năm 2013 vợ chồng anh Khanh chị T1 thế chấp tài sản là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 45, địa chỉ tại khu phố Bình Tây phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long để vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh thị xã Bình Long số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Năm 2015 anh Khanh chị T1 vay tiền của bà T để trả nợ cho ngân hàng nên ngày 03/02/2015 bà T đã tới ngân hàng để trả nợ thay cho anh Khanh chị T1, số nợ bao gồm 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) nợ gốc và 7.538.889đ (bảy triệu năm trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng) nợ lãi. Năm 2017 anh Khanh chết không để lại di chúc. Di sản thừa kế mà anh Khanh để lại gồm quyền sử dụng đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 45, diện tích 129,8m², địa chỉ tại khu phố Bình Tây, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long và một căn nhà trên đất, năm 2019 nhà nước đã T hồi 34,8m² đất để mở rộng đường DT 752, còn lại 95m². Các tài sản này anh Khanh đồng sở hữu với chị T1.

Hàng thừa kế thứ nhất của anh Khanh gồm có: Bà Thiều Kim T (mẹ ruột), cháu Trần Minh T2 (con ruột), cháu Trần Minh T3 (con ruột). Cha ruột của anh Khanh là ông Trần Quý Khang, sinh năm 1953 đã chết năm 1993. Tại thời điểm chết anh Khanh không có vợ, anh Khanh cũng không nhận ai làm con nuôi.

Bà Thiều Kim T yêu cầu:

1. Buộc chị Lê Thị Phương T1 phải trả nợ cho bà T $\frac{1}{2}$ số nợ 87.538.889đ (tám mươi bảy triệu năm trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng) mà anh Khanh chị T1 còn nợ bà T. $\frac{1}{2}$ số nợ còn lại chia theo kỹ phần thừa kế, mỗi kỹ phần tương đương khoản nợ là 14.589.814đ (mười bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn tám trăm mười bốn đồng), bà T chịu một phần, hai cháu Trần Minh T2, Trần Minh T3 mỗi người phải trả cho bà T một phần là 14.589.814đ.

2. Chia di sản thừa kế của anh Trần Hón Khanh gồm: $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 45, diện tích (sau khi đã bị nhà nước T hồi) 95m², địa chỉ tại khu phố Bình Tây phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long; $\frac{1}{2}$ căn nhà trên thửa đất và $\frac{1}{2}$ số tiền bồi thường khi nhà nước T hồi 34,6m² đất là 156.213.600đ thành 3 kỹ phần thừa kế bằng nhau cho ba đồng thừa kế gồm bà Thiều Kim T, cháu Trần Minh T3 và cháu Trần Minh T2. Theo tính toán thì mỗi kỹ phần tương đương với 412.071.433đ (bốn trăm mười hai triệu không trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng). Bà T yêu cầu được nhận kỹ phần thừa kế của mình bằng tiền.

Chị Lê Thị Phương T1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về khoản nợ mà chị T1 và anh Khanh còn nợ bà T là 87.538.889đ (tám mươi bảy triệu năm trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng); thống nhất về di sản thừa kế, hàng thừa kế và người thừa kế của anh Trần Hón Khanh. Chị T1 đồng ý trả cho bà T toàn bộ giá trị kỹ phần thừa kế và trách nhiệm trả nợ (bao gồm cả khoản nghĩa vụ trả nợ của hai con Trần Minh T3 và Trần Minh T2) nhưng hiện nay chị T1 chưa có tiền để T1 toán cho bà T, chị T1 đề nghị khi nào bán được nhà, đất thì trả tiền cho bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án Tranh chấp chia di sản thừa kế và Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Thư ký tòa án và Hội

đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật về T thập chứng cứ và xét xử tại phiên tòa. Các đương sự tham gia tố tụng cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đối với tranh chấp vay tài sản: Bà Thiệu Kim T có cho bà T1 vay số tiền 87.538.889đ (tám mươi bảy triệu năm trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng) để bà T1 trả nợ ngân hàng. Khoản nợ này là nợ chung giữa bà T1 và ông Trần Hón Khanh, nay ông Khanh chết thì bà T1 có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số nợ; những người thừa kế của ông Khanh có nghĩa vụ trả cho bà T $\frac{1}{2}$ số nợ. Như vậy bà T1 phải trả là $87.538.889đ : 2 = 43.769.445đ$ (bốn mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng); T cùng với hai cháu Trần Minh T2, Trần Minh T3 phải chịu $\frac{1}{2}$ số nợ, mỗi người phải chịu là $43.769.445đ : 3 = 14.589.815đ$ (mười bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn tám trăm mười lăm đồng).

Về chia thừa kế: Ông Khanh và bà T1 ly hôn năm 2014 nhưng chưa chia tài sản chung. Khi ông Khanh chết thì tài sản chung của ông Khanh và bà T1 gồm: thửa đất số 24, tờ bản đồ số 44, diện tích 129,8m² (thực tế là 95m²) tại Khu phố Bình Tây, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, một căn nhà trên đất và số tiền 156.213.600đ (một trăm năm mươi sáu triệu hai trăm mười ba nghìn sáu trăm đồng) do UBND thị xã Bình Long bồi thường khi T hồi đất. Tổng giá trị là 2.472.428.600đ (hai tỷ bốn trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm đồng). Di sản thừa kế của ông Trần Hón Khanh được xác định bằng một nửa giá trị tài sản chung, tức là $2.472.428.600đ : 2 = 1.236.214.300đ$ (một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu hai trăm mười bốn nghìn ba trăm đồng), số tiền di sản này được chia đều cho ba người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Khanh bao gồm: mẹ ông Khanh là bà Thiệu Kim T và hai người con ruột là Trần Minh T2 và Trần Minh T3. Cụ thể là mỗi người được chia $(1.236.214.300đ : 3) = 412.071.433đ$ (bốn trăm mười hai triệu không trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng).

Căn cứ các quy định của pháp luật đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thiệu Kim T, tuyên án phí mà các đương sự phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và tranh chấp di sản thừa kế; các bị đơn đều cư trú tại thị xã Bình Long nên căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Đây là tranh chấp vay tài sản và chia thừa kế theo pháp luật nên áp dụng Điều 463, 466, 649 Bộ luật dân sự và các quy định của pháp luật về vay tài sản về thừa kế để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu chia thừa kế của bà Thiệu Kim T: Theo lời trình bày của các bên đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì anh Trần Hón Khanh sinh năm 1974, chết năm 2017, năm 1995 anh Khanh kết hôn với chị Lê Thị Phương T1, sinh được hai người con là Trần Minh T2, sinh năm 1996 và Trần Minh T3, sinh năm 2003. Vợ chồng anh

Khanh chị T1 có các tài sản chung là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 45, diện tích 129,9m², địa chỉ tại khu phố Bình Tây phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long và một căn nhà trên đất. Năm 2014 anh Trần Hón Khanh và chị Lê Thị Phương T1 ly hôn nhưng chưa chia tài sản chung, năm 2017 anh Khanh chết không để lại di chúc nên đã phát sinh quan hệ thừa kế theo pháp luật. Tài sản mà anh Khanh để lại trở thành di sản thừa kế nên bà Thiều Kim T là mẹ ruột của anh Khanh, Tộc hàng thừa kế thứ nhất yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là phù hợp với Điều 649 Bộ luật dân sự và các quy định về thừa kế theo pháp luật.

Về hàng thừa kế: Anh Khanh có 2 người con là Trần Minh T2, Trần Minh T3. Cha anh Khanh là ông Trần Quý Khang đã chết năm 1993. Khi chết anh Khanh không có vợ. Vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự xác định hàng thừa kế thứ nhất của anh Khanh gồm có 3 người gồm: Trần Minh T2, Trần Minh T3 và bà Thiều Kim T.

Về di sản thừa kế: Khi còn sống, trong thời gian anh Khanh còn quan hệ hôn nhân với chị Lê Thị Phương T1 thì anh Khanh chị T1 có tài sản chung là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 45, diện tích 129,8m², địa chỉ tại khu phố Bình Tây phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long và một căn nhà trên đất; khi anh Khanh chết thì ½ khối tài sản này trở thành di sản thừa kế. Năm 2019 nhà nước T bồi 34,8m² đất trong tổng số 129,8m² đất của anh Khanh chị T1 và bồi thường là 156.213.600đ. Như vậy di sản thừa kế của anh Khanh bao gồm: ½ giá trị của 95m² đất; ½ giá trị căn nhà trên đất và ½ số tiền bồi thường 156.213.600đ.

Di sản của anh Khanh sẽ được chia thừa kế theo pháp luật, tức là chia thành 3 kỳ phần bằng nhau cho bà Thiều Kim T, cháu Trần Minh T2 và cháu Trần Minh T3, mỗi người một kỳ phần bằng nhau.

Theo kết quả định giá tài sản tranh chấp thì giá trị diện tích đất 95m² và căn nhà trên đất là 2.316.215.000đ. Giá trị di sản của anh Khanh là $(2.316.215.000đ + 156.213.600đ) : 2 = 1.236.214.300đ$ (một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu hai trăm mười bốn nghìn ba trăm đồng). Như vậy giá trị một kỳ phần thừa kế là $1.236.214.300đ : 3 = 412.071.433đ$ (bốn trăm mười hai triệu không trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng). Bà T yêu cầu nhận kỳ phần thừa kế của mình bằng tiền là phù hợp nên được chấp nhận. Giao cho chị T1 toàn bộ tài sản là nhà, đất, chị T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Thiều Kim T, các cháu Trần Minh T2, Trần Minh T3 mỗi người một kỳ phần thừa kế của anh Trần Hón Khanh là 412.071.433đ (bốn trăm mười hai triệu không trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng).

[3.2] Xét yêu cầu trả nợ của bà Thiều Kim T: Khi anh Trần Hón Khanh còn quan hệ hôn nhân với chị Lê Thị Phương T1 thì anh Khanh, chị T1 có vay của bà Thiều Kim T số tiền 87.538.889đ (tám mươi bảy triệu năm trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng) để trả nợ ngân hàng, số nợ này là khoản nợ chung của vợ chồng cho đến nay chưa trả. Khi anh Khanh chết thì những người thừa kế phải thực hiện nghĩa vụ thay cho người chết

theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự, vì vậy bà T, cháu T2, cháu T3 mỗi người phải chịu 1/6 số nợ 87.538.889đ (tám mươi bảy triệu năm trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng); ½ số nợ còn lại chị T1 phải trả cho bà T. Như vậy chị T1 phải trả cho bà T 43.769.444đ (bốn mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng); bà T phải chịu 14.589.814đ; hai cháu Trần Minh T2, Trần Minh T3 mỗi cháu phải trả cho bà T 14.589.814đ (mười bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn tám trăm mười bốn đồng).

Về chi phí tố tụng: Bà Thiều Kim T đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Chi phí tố tụng này mỗi đương sự phải chịu một phần nên buộc chị Lê Thị Phương T1, các cháu Trần Minh T2, Trần Minh T3 mỗi người phải trả lại cho bà Thiều Kim T 1.000.000đ (một triệu đồng).

Về án phí: Chị Lê Thị Phương T1 phải chịu án phí trên số tài sản được chia 1.236.214.300đ (một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu hai trăm mười bốn nghìn ba trăm đồng) và trên số nợ 43.769.444đ (bốn mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng) phải trả cho bà T. Cụ thể là $1.279.983.744đ = 36.000.000đ + (479.983.744đ \times 3\%) = 50.399.512đ$ (năm mươi triệu ba trăm chín mươi chín nghìn năm trăm mười hai đồng).

Hai cháu Trần Minh T2, Trần Minh T3 mỗi người được hưởng 412.071.433đ (bốn trăm mười hai triệu không trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng) kỷ phần thừa kế và phải trả cho bà T số tiền 14.589.814đ (mười bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn tám trăm mười bốn đồng) là nghĩa vụ trả nợ thay cho người chết. Như vậy hai cháu T2, T3 mỗi người phải chịu án phí trên số tiền thừa kế được hưởng trừ đi số tiền nghĩa vụ trả nợ thay cho người chết. Cụ thể là $(412.071.433đ - 14.589.814đ) \times 5\% = 19.874.080đ$ (mười chín triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm tám mươi đồng)

Bà Thiều Kim T là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn tiền án phí cho bà T.

Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những căn cứ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thiều Kim T.

1. Áp dụng các Điều 649, 651 Bộ luật dân sự chia di sản thừa kế của anh Trần Hón Khanh như sau:

Giao cho chị Lê Thị Phương T1 được sử dụng, sở hữu toàn bộ thửa đất số 24, tờ bản đồ số 45, diện tích (sau khi đã bị T hồi 34,8m²) 95m², tại địa chỉ: Tổ 3, khu phố Bình Tây, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước và tài sản trên thửa đất là căn nhà

xây cấp 4, diện tích 77,47m², có kết cấu tường gạch, mái tôn, nền gạch men + xi măng. Tổng giá trị khối tài sản này là 2.316.215.000đ (hai tỷ ba trăm mười sáu triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng). Chị Lê Thị Phương T1 phải T1 toán cho bà Thiều Kim T, cháu Trần Minh T2 và cháu Trần Minh T3 mỗi người một kỷ phần thừa kế do anh Trần Hón Khanh để lại là 412.071.433đ (bốn trăm mười hai triệu không trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng).

2. Áp dụng các Điều 463, 466, 615 Bộ luật dân sự:

Buộc chị Lê Thị Phương T1 phải trả nợ cho bà Thiều Kim T 43.769.444đ (bốn mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Buộc hai cháu Trần Minh T2, Trần Minh T3 mỗi người phải trả cho bà Thiều Kim T 14.589.814đ (mười bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn tám trăm mười bốn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả các khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Lê Thị Phương T1, cháu Trần Minh T2, cháu Trần Minh T3 mỗi người phải trả lại cho bà Thiều Kim T 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền xem xét thẩm định và định giá tài sản.

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Lê Thị Phương T1 phải chịu 50.399.512đ (năm mươi triệu ba trăm chín mươi chín nghìn năm trăm mười hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc hai cháu Trần Minh T2, Trần Minh T3 mỗi người phải chịu 19.874.080đ (mười chín triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn tiền án phí cho bà Thiều Kim T do bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Bình Phước

-VKSND TX Bình Long.

-Chi cục THADS TX Bình Long.

-Các đương sự.

-Lưu hồ sơ.

Phạm Bình